

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 22

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 12 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 22/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 05/05/2010.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: C1 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị con của Công ty

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>% thực góp</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Công ty CP Licogi 12.9	Xây lắp	Hà Nội	68,83	8.260.000.000	8.260.000.000
Công ty CP Licogi 12.6	Gia công	Hà Nội	54,66	964.471.000	964.471.000
<b>Tổng</b>				<b>9.224.471.000</b>	<b>9.224.471.000</b>

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Tuấn	Ủy viên
	Ông Bùi Đại Minh	Ủy viên
	Ông Ngô Đức Long	Ủy viên
	Ông Phùng Văn Thanh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Mạnh Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Dương Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Long	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Dương Xuân Quang**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011*

Số. 140 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần LICOGI 12

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần LICOGI 12**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán vào ngày 31/03/2010 với ý kiến Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2010 cũng như các bằng chứng kiểm toán thay thế khác để đưa ra ý kiến về các số dư này cũng như xác định mức dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011*

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>322.576.504.966</b>	<b>267.478.258.769</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>22.966.226.444</b>	<b>22.148.956.809</b>
1. Tiền	111		22.966.226.444	22.148.956.809
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>131.994.615.988</b>	<b>109.495.659.018</b>
1. Phải thu khách hàng	131		129.584.182.342	105.328.086.272
2. Trả trước cho người bán	132		1.521.375.421	1.778.640.648
3. Các khoản phải thu khác	135		889.058.225	2.388.932.098
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.2	<b>160.896.124.962</b>	<b>132.189.662.533</b>
1. Hàng tồn kho	141		160.896.124.962	132.189.662.533
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.719.537.572</b>	<b>3.643.980.409</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	4.757.442.179	146.131.971
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.681.869	140.656.495
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.767.413.524	3.357.191.943
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>67.248.677.209</b>	<b>79.566.099.743</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.576.214.215</b>	<b>78.570.504.545</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	53.380.186.245	56.622.985.905
- Nguyên giá	222		199.888.820.877	186.079.832.704
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.508.634.632)	(129.456.846.799)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	12.496.982.120	13.926.466.100
- Nguyên giá	225		36.425.733.447	36.425.733.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(23.928.751.327)	(22.499.267.347)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	160.056.672	231.516.668
- Nguyên giá	228		672.685.576	672.685.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(512.628.904)	(441.168.908)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	538.989.178	7.789.535.872
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000</b>	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	100.000.000	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>572.462.994</b>	<b>995.595.198</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	285.462.994	708.595.198
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	287.000.000	287.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>389.825.182.175</b>	<b>347.044.358.512</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN		31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>316.753.625.008</b>	<b>278.015.402.603</b>
<b>(300 = 310+330)</b>			
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>302.536.522.419</b>	<b>260.984.647.221</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.12	80.903.396.689	66.602.283.312
2. Phải trả người bán	312	62.282.375.245	82.574.582.742
3. Người mua trả tiền trước	313	52.089.018.945	55.132.002.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.13	16.909.207.255	17.537.157.857
5. Phải trả người lao động	315	15.148.608.469	12.799.375.289
6. Chi phí phải trả	316	-	34.520.123
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.14	73.694.217.701	25.483.117.700
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	1.509.698.115	821.607.570
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>14.217.102.589</b>	<b>17.030.755.382</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333 5.15	1.500.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334 5.16	11.435.798.468	16.382.127.198
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	659.825.685	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	621.478.436	648.628.184
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>67.641.772.518</b>	<b>63.588.209.710</b>
<b>(400 = 410)</b>			
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.17</b>	<b>67.641.772.518</b>	<b>63.588.209.710</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.380.364.000	4.380.364.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	2.642.904.038	1.877.188.202
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	647.450.766	344.636.901
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.971.053.714	6.986.020.607
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	<b>5.429.784.649</b>	<b>5.440.746.199</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>389.825.182.175</b>	<b>347.044.358.512</b>
<b>(450 = 300+400+439)</b>	<b>450</b>		

**Dương Xuân Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Thị Chung**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		316.195.615.077	286.798.958.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	163.619.047
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	316.195.615.077	286.635.339.293
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	286.870.690.261	260.041.127.268
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>29.324.924.816</b>	<b>26.594.212.025</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	5.304.372.789	182.975.632
7. Chi phí tài chính	22	5.21	10.792.585.650	10.351.097.676
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.792.585.650</i>	<i>10.351.097.676</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.761.360.024	9.023.523.176
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>11.075.351.931</b>	<b>7.402.566.805</b>
11. Thu nhập khác	31		1.056.155.001	3.128.880.073
12. Chi phí khác	32		200.859.934	2.200.125.719
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	5.22	<b>855.295.067</b>	<b>928.754.354</b>
<b>14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.930.646.998</b>	<b>8.331.321.159</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.908.703.187	524.916.177
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>9.021.943.811</b>	<b>7.806.404.982</b>
<b>19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>		<b>805.969.374</b>	<b>824.368.356</b>
<b>20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)</b>	<b>62</b>		<b>8.215.974.437</b>	<b>6.982.036.626</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.643	1.396

**Dương Xuân Quang**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Thị Chung**

**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.930.646.998</b>	<b>8.331.321.159</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	18.628.287.365	20.838.525.374
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.838.363.369)	(182.975.632)
- Chi phí lãi vay	06	10.792.585.650	10.351.097.676
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>34.513.156.644</b>	<b>39.337.968.577</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.067.061.803)	(7.926.646.723)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.706.462.429)	(2.673.832.302)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.353.945.776	31.845.763.813
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.188.178.004)	479.476.092
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.792.585.650)	(10.351.097.676)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.500.756.619)	(508.525.112)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.388.127.063
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(181.444.796)	(1.336.512.359)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>430.613.119</b>	<b>51.254.721.373</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.896.988.173)	(5.117.614.253)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(964.471.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.606.444.177	182.975.632
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.054.180.360)</b>	<b>(5.899.109.621)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	240.599.510.023	185.264.089.113
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(223.295.284.456)	(207.754.893.577)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(5.059.388.691)	(11.210.605.083)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.804.000.000)	(2.491.134.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.440.836.876</b>	<b>(36.192.543.547)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>817.269.635</b>	<b>9.163.068.205</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>22.148.956.809</b>	<b>12.985.888.604</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.966.226.444</b>	<b>22.148.956.809</b>

**Dương Xuân Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Thị Chung**  
**Kế toán trưởng**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 22/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 05/05/2010.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: C1 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Vận chuyển, san lấp nền móng các loại công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng;
- Xử lý nền móng bằng phương tiện cơ giới (khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Beretter);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm);
- Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế (thiết kế kiến trúc công trình với chức danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình;
- Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, mỡ;
- Kinh doanh xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gộp. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2009</u> Số năm	<u>2010</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	11	15
Máy móc thiết bị	07 - 10	07 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 12	03 - 08

**Thuê tài sản**

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Năm 2010, Công ty thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Nếu thực hiện trích khấu hao theo thời gian là 10 năm, chi phí khấu hao là 3.642.573.345 đồng; chi phí khấu hao Công ty trích năm 2010 là 1.429.483.980 đồng. Như vậy, nếu trích khấu hao với thời gian nhất quán, Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty sẽ giảm lãi với số tiền là 2.213.089.365 đồng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.542.148.673	1.715.579.559
Tiền gửi ngân hàng	21.424.077.771	20.433.377.250
<b>Tổng</b>	<b>22.966.226.444</b>	<b>22.148.956.809</b>

**5.2 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.044.975.061	6.817.238.216
Công cụ, dụng cụ	202.498.466	412.955.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.698.105.088	124.793.372.102
Thành phẩm	950.546.347	166.096.591
<b>Tổng</b>	<b>160.896.124.962</b>	<b>132.189.662.533</b>

**5.3 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.757.442.179	146.131.971
<b>Tổng</b>	<b>4.757.442.179</b>	<b>146.131.971</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.463.203.524	1.272.459.303
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	304.210.000	2.084.732.640
<b>Tổng</b>	<b>1.767.413.524</b>	<b>3.357.191.943</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa VKT</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị DCQL</u>	<u>Tổng</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>					
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>10.327.874.139</b>	<b>139.006.113.065</b>	<b>33.733.324.584</b>	<b>3.012.520.916</b>	<b>186.079.832.704</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>3.734.950.482</b>	<b>9.830.421.824</b>	-	<b>541.996.818</b>	<b>14.107.369.124</b>
Mua mới trong năm	-	9.658.040.873	-	503.996.818	10.162.037.691
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.734.950.482	-	-	-	3.734.950.482
Tăng khác	-	172.380.951	-	38.000.000	210.380.951
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>126.000.000</b>	-	<b>172.380.951</b>	<b>298.380.951</b>
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	80.000.000	-	-	80.000.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	46.000.000	-	172.380.951	218.380.951
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>14.062.824.621</b>	<b>148.710.534.889</b>	<b>33.733.324.584</b>	<b>3.382.136.783</b>	<b>199.888.820.877</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>2.744.331.511</b>	<b>102.499.738.589</b>	<b>21.608.876.772</b>	<b>2.603.899.927</b>	<b>129.456.846.799</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>941.797.888</b>	<b>12.636.428.382</b>	<b>4.666.170.211</b>	<b>479.042.003</b>	<b>18.723.438.484</b>
Khấu hao trong năm	941.797.888	12.464.047.431	4.666.170.211	479.042.003	18.551.057.533
Tăng khác	-	172.380.951	-	-	172.380.951
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>1.499.269.700</b>	-	<b>172.380.951</b>	<b>1.671.650.651</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	75.555.556	-	-	75.555.556
Giảm khác	-	1.423.714.144	-	172.380.951	1.596.095.095
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>3.686.129.399</b>	<b>113.636.897.271</b>	<b>26.275.046.983</b>	<b>2.910.560.979</b>	<b>146.508.634.632</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>7.583.542.628</b>	<b>36.506.374.476</b>	<b>12.124.447.812</b>	<b>408.620.989</b>	<b>56.622.985.905</b>
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>10.376.695.222</b>	<b>35.073.637.618</b>	<b>7.458.277.601</b>	<b>471.575.804</b>	<b>53.380.186.245</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 43.052.283.730 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.6 Tài sản cố định thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

<b>Năm 2010</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Tổng</b>
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01 tháng 01	14.193.430.762	22.232.302.685	36.425.733.447
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.193.430.762</u>	<u>22.232.302.685</u>	<u>36.425.733.447</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01 tháng 01	8.791.505.442	13.707.761.905	22.499.267.347
Tăng trong năm	756.241.098	673.242.882	1.429.483.980
Khấu hao trong năm	756.241.098	673.242.882	1.429.483.980
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>9.547.746.540</u>	<u>14.381.004.787</u>	<u>23.928.751.327</u>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01 tháng 01	<u>5.401.925.320</u>	<u>8.524.540.780</u>	<u>13.926.466.100</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>4.645.684.222</u>	<u>7.851.297.898</u>	<u>12.496.982.120</u>

**5.7 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

<b>Năm 2010</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Thương hiệu Licogi</b>	<b>HT quản lý chất lượng ISO</b>	<b>Tổng</b>
<i>Nguyên giá</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	88.300.000	522.000.000	62.385.576	672.685.576
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>88.300.000</u>	<u>522.000.000</u>	<u>62.385.576</u>	<u>672.685.576</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	39.483.332	339.300.000	62.385.576	441.168.908
Tăng trong năm	19.259.996	52.200.000	-	71.459.996
Khấu hao trong năm	19.259.996	52.200.000	-	71.459.996
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>58.743.328</u>	<u>391.500.000</u>	<u>62.385.576</u>	<u>512.628.904</u>
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01 tháng 01	<u>48.816.668</u>	<u>182.700.000</u>	-	<u>231.516.668</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>29.556.672</u>	<u>130.500.000</u>	-	<u>160.056.672</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.8 Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Văn phòng Công ty tại C1 Giải Phóng	457.971.678	-
Trụ sở mới Công ty tại Giáp Bát	-	2.353.953.404
Đền bù khu đất Cầu Bươu	81.017.500	81.017.500
Công ty thủy điện YAHIAO	-	2.663.633.660
Khu chế biến đá Kiện Khê- Hà Nam	-	2.690.931.308
	<b>538.989.178</b>	<b>7.789.535.872</b>

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện IA HIAO</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền bảo hiểm tài sản thuê tài chính	-	146.541.396
Công cụ dụng cụ	285.462.994	543.053.802
Chi phí lắp đặt	-	19.000.000
<b>Tổng</b>	<b>285.462.994</b>	<b>708.595.198</b>

**5.11 Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	287.000.000	287.000.000
	<b>287.000.000</b>	<b>287.000.000</b>

**5.12 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>80.347.687.353</b>	<b>66.445.566.422</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	55.846.787.657	44.736.538.158
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14.813.977.982	15.419.665.355
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Hà Nội	9.686.921.714	5.989.362.909
Vay cá nhân	-	300.000.000
<b>Vay các đối tượng khác</b>	<b>555.709.336</b>	<b>156.716.890</b>
Quỹ tương trợ Công ty	165.709.336	156.716.890
Các đối tượng khác	390.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>80.903.396.689</b>	<b>66.602.283.312</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	14.247.358.026	16.494.935.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.333.735.530	925.788.962
Thuế thu nhập cá nhân	27.233.339	116.433.208
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	300.880.360	-
<b>Tổng</b>	<b>16.909.207.255</b>	<b>17.537.157.857</b>

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.016.415.058	925.758.486
Bảo hiểm xã hội	397.500.586	173.770.916
Bảo hiểm y tế	23.216.890	1.314.030
Bảo hiểm thất nghiệp	11.129.266	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	72.245.955.901	24.382.274.268
<i>Phải trả khác (dư có 141)</i>	<i>24.263.527.759</i>	<i>20.160.932.446</i>
<i>Tiền nhà dự án C1 Giải Phóng</i>	<i>45.895.527.436</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>2.086.900.706</i>	<i>4.221.341.822</i>
<b>Tổng</b>	<b>73.694.217.701</b>	<b>25.483.117.700</b>

**5.15 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

**5.16 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.950.717.097</b>	<b>8.474.808.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)	9.834.717.097	2.618.808.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	1.116.000.000	5.856.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>485.081.371</b>	<b>7.907.319.198</b>
Thuê tài chính- Ngân hàng NN&PTNT	485.081.371	5.544.470.062
Nợ dài hạn khác	-	2.362.849.136
<b>Tổng</b>	<b>11.435.798.468</b>	<b>16.382.127.198</b>

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐTĐTH ký ngày 5/8/2010 giữa BIDV Chi nhánh HN và Cty Licogi 12. Mục đích vay: Thực hiện dự án " Tòa nhà hỗn hợp Vp và nhà ở L12 tại số 21 phố Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, HN". Số tiền vay là 20 tỷ đồng, thời hạn vay là 4 năm. Lãi suất theo thông báo của ngân hàng, điều chỉnh 3 tháng/lần.

(2.1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 210.07.HQV/TH.01/30073.22 ký tháng 4/2007 giữa MBB chi nhánh HQV và L12. Mục đích: Phục vụ công trình nhà máy thủy điện Sơn La. Số tiền vay là 8,5 tỷ, thời hạn vay là 3 năm. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.16 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

(2.2): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 312.07.HQV/TH.03/30073.36 ký ngày 6/8/2007 giữa MBB chi nhánh HQV và L12. Mục đích: Mua cầu tháp của dự án nhà máy thủy điện Sơn La. Số tiền vay là 8,1 tỷ, thời hạn vay là 45 tháng. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ.

(2.3): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 30.10.056.30073.TD ký ngày 28.1.2010 giữa MBB chi nhánh HQV và L12. Mục đích: Mua thép cừ của cty TNHH IPC. Số tiền cho vay: 4.569.108.800 đồng, thời hạn vay là 2 năm. Lãi suất tại thời điểm vay là 12%/năm, sau đó có điều chỉnh.

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Vốn điều lệ**

<b>Đối tượng</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>Vốn điều lệ theo</b>		<b>Vốn thực tế đã góp</b>	
		<b>Giấy chứng nhận ĐKKD</b>		<b>đến ngày 31/12/2010</b>	
		<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	596.700	5.967.000.000	11,93	5.967.000.000	11,93
Ông Dương Xuân Quang	601.184	6.011.840.000	12,02	6.011.840.000	12,02
Ông Nguyễn Anh Tuấn	10.000	100.000.000	0,20	100.000.000	0,20
Ông Hoàng Minh Tuấn	153.248	1.532.480.000	3,06	1.532.480.000	3,06
Ông Lê Quang Định	10.113	101.130.000	0,20	101.130.000	0,20
Các cổ đông khác	3.628.755	36.287.550.000	72,59	36.287.550.000	72,59
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>LN sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>4.380.364.000</b>	<b>1.747.166.272</b>	<b>305.974.076</b>	<b>2.815.128.819</b>	<b>59.248.633.167</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>130.021.930</b>	<b>38.662.825</b>	<b>6.982.036.626</b>	<b>7.150.721.381</b>
Tăng khác	-	-	130.021.930	38.662.825	-	168.684.755
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.982.036.626	6.982.036.626
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>2.811.144.838</b>	<b>2.811.144.838</b>
Giảm khác	-	-	-	-	2.811.144.838	2.811.144.838
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>4.380.364.000</b>	<b>1.877.188.202</b>	<b>344.636.901</b>	<b>6.986.020.607</b>	<b>63.588.209.710</b>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>4.380.364.000</b>	<b>1.877.188.202</b>	<b>344.636.901</b>	<b>6.986.020.607</b>	<b>63.588.209.710</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>765.715.836</b>	<b>302.813.865</b>	<b>8.219.748.742</b>	<b>9.288.278.443</b>
Phân phối quỹ	-	-	765.715.836	302.813.865	-	1.068.529.701
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.215.974.437	8.215.974.437
Tăng khác	-	-	-	-	3.774.305	3.774.305
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>5.234.715.635</b>	<b>5.234.715.635</b>
Phân phối quỹ	-	-	-	-	1.234.715.635	1.234.715.635
Trả cổ tức từ lợi nhuận 2009	-	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>4.380.364.000</b>	<b>2.642.904.038</b>	<b>647.450.766</b>	<b>9.971.053.714</b>	<b>67.641.772.518</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	5.967.000.000	5.967.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	44.033.000.000	44.033.000.000
<b>Tổng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.000.000.000</b>	-

**Cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP***5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu xây lắp	89.303.537.148	33.571.604.283
Doanh thu bán bê tông	105.685.522.376	153.878.047.524
Doanh thu đóng cọc, đúc cọc	3.392.502.151	2.560.937.928
Doanh thu khoan cọc nhồi	76.947.413.252	74.348.951.885
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.034.379.620	2.961.389.490
Doanh thu gia công cơ khí	34.832.260.530	19.478.027.230
<b>Tổng</b>	<b>316.195.615.077</b>	<b>286.798.958.340</b>
Giảm giá hàng bán	-	163.619.047
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>316.195.615.077</b>	<b>286.635.339.293</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN/HN

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn xây lắp	86.214.417.780	26.012.520.571
Giá vốn bán bê tông	96.262.994.130	148.949.489.789
Giá vốn đóng cọc, đúc cọc	3.692.727.163	3.159.312.809
Giá vốn khoan cọc nhồi	66.153.996.945	62.337.046.834
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.953.880.271	2.798.841.296
Giá vốn gia công cơ khí	29.592.673.972	16.783.915.969
<b>Tổng</b>	<b>286.870.690.261</b>	<b>260.041.127.268</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.914.020.703	182.975.632
Doanh thu tài chính khác	3.390.352.086	-
<b>Tổng</b>	<b>5.304.372.789</b>	<b>182.975.632</b>

**5.21 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	10.792.585.650	10.351.097.676
<b>Tổng</b>	<b>10.792.585.650</b>	<b>10.351.097.676</b>

**5.22 Thu nhập/ Chi phí khác**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	236.363.636	-
Thu nhập từ Dự án Sập Việt	-	2.441.814.319
Bồi thường tai nạn thiết bị	-	574.199.088
Thu nhập khác	819.791.365	112.866.666
<b>Tổng</b>	<b>1.056.155.001</b>	<b>3.128.880.073</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.444.444	-
Chi phí Dự án Sập Việt	-	2.119.065.248
Xử lý công nợ khó đòi	-	76.057.855
Chi phí khác	196.415.490	5.002.616
<b>Tổng</b>	<b>200.859.934</b>	<b>2.200.125.719</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>855.295.067</b>	<b>928.754.354</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.930.646.998</b>	<b>8.331.321.159</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.975.479.404)	(6.231.656.451)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.975.479.404)	(6.231.656.451)
+ Cổ tức nhận được	(1.050.000.000)	(1.228.085.715)
+ Chuyển lỗ năm trước	(1.631.854.711)	(4.012.148.784)
+ Giảm khác	(1.293.624.693)	(991.421.952)
Tổng thu nhập chịu thuế	7.955.167.594	2.099.664.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.988.791.899	524.916.177
Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	919.910.549	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.908.703.187</b>	<b>524.916.177</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>8.215.974.437</b>	<b>6.982.036.626</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>8.215.974.437</b>	<b>6.982.036.626</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.643</b>	<b>1.396</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập.

**Dương Xuân Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

**Nguyễn Thị Chung**  
**Kế toán trưởng**